

Số: 181/BC-UBND

Uông Bí, ngày 15 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Thực hiện Công văn số 3026/UBND-TH5 ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc báo cáo rà soát chính sách tiền lương trong đối với viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, UBND thành phố Uông Bí báo cáo cụ thể như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Số lượng đơn vị sự nghiệp có viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND thành phố

Thành phố Uông Bí là đô thị loại II nằm ở phía Tây tỉnh Quảng Ninh, có 11 đơn vị hành chính (09 phường và 02 xã), có diện tích tự nhiên 255,5 km², dân số trên 17 vạn người; có 10 dân tộc anh em trong đó dân tộc kinh chiếm 97,61%; dân tộc thiểu số chiếm 2,39%. Uông Bí có lợi thế vị trí địa lý, thuận lợi về giao thông đường thủy, đường bộ, đường sắt; có khu di tích và danh thắng Quốc gia đặc biệt Yên Tử, kinh đô Phật giáo Trúc Lâm Việt Nam và nhiều di tích lịch sử, văn hóa đặc sắc khác; có khu sinh thái Lũng Xanh, Hồ Yên Trung được thiên nhiên ban tặng với cảnh quan thiên nhiên đẹp, hấp dẫn du khách; có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, tiềm năng phát triển kinh tế đa dạng. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông được tăng cường.

Hiện tại UBND thành phố Uông Bí có 01 cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp (tổng số người làm việc được giao: 10, số có mặt đến tháng 4/2019 là 10, trong đó viên chức: 08, HĐLĐ: 02).

2. Tình hình thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp ưu đãi nghề đối với viên chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Trong những năm qua, thành phố Uông Bí đã thực hiện tốt các chính sách tiền lương đối với viên chức và người lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: Thực hiện chuyển ngạch lương phù hợp với vị trí việc làm đối với viên chức, thực hiện đúng, đầy đủ các loại phụ cấp đặc thù đối với viên chức và người lao động. Chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn khi đạt thành tích xuất sắc trong công tác được thực hiện đúng quy định.

II. Thực trạng chức vụ, chức danh và tình hình thực hiện chính sách tiền lương (bao gồm tiền lương và chế độ phụ cấp) đối với viên chức và

người lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

(Có biểu báo cáo kèm theo)

Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí báo cáo. *lsh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Cơ quan Tổ chức - Nội vụ;
- Lưu VT, TCNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Đình Sách

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 15/5/2019 của UBND thành phố Uông Bí)

TT	Chức danh nghề nghiệp ngành NN&PTNT	Tổng số viên chức hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành NN&PTNT	Chức danh nghề nghiệp (số người)			Tổng số tiền lương hiện hưởng (VNĐ)						Phụ cấp ưu đãi nghề			Ghi chú
			Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	Bảo vệ thực vật		5			225,060,000	246,948,000	280,557,600	565,527,200	22,506,000	24,694,800	28,055,760	25,085,520		
2	Giám định thuốc BVTV														
3	Kiểm nghiệm cây trồng														
4	Chẩn đoán bệnh động vật			2	1	109,045,200	160,368,000	178,642,800	328,960,800	10,904,520	16,036,800	17,864,280	14,935,200		
5	Kiểm tra vệ sinh thú y														
6	Kiểm nghiệm thuốc thú y														
7	Kiểm nghiệm chăn nuôi														
8	Kiểm nghiệm thủy sản														
	TỔNG CỘNG		334,105,200	407,316,000	459,200,400	894,488,000	33,410,520	40,731,600	45,920,040	40,020,720					

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Biểu 1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
(Kèm theo Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 15/5/2019 của UBND thành phố Uông Bí)

TT	Đơn vị	Tổng số viên chức lương theo chức danh nghề nông nghiệp viên chức chuyên ngành NN&PTNT	Trình độ chuyên môn				Chức danh nghề nghiệp				Phụ cấp ưu đãi nghề			Ghi chú
			TS	Th.S	Đại học	Cao đẳng trở xuống	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Bình quân 3 năm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nguyễn Duy Toàn	x			x			x		10%	10%	10%	10%	
2	Lê Văn Tháo	x	x					x		10%	10%	10%	10%	
3	Trần Thị Đông	x				x			x	10%	10%	10%	10%	
4	Vũ Văn Bình	x			x			x		10%	10%	10%	10%	
5	Vũ Thị Tâm	x			x			x		10%	10%	10%	10%	
6	Nguyễn Mạnh Hùng	x			x			x		10%	10%	10%	10%	
7	Lương Ngọc Minh	x			x			x		10%	10%	10%	10%	
8	Đình Thị Thu Trang	x			x			x		10%	10%	10%	10%	